

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam
- Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
- Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Manulife (MAFPF1)
- Ngày lập báo cáo: 04/04/2011

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm báo cáo		Năm trước năm báo cáo	
			Số phát sinh kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Số phát sinh kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
	A	B	1	2	3	4
A. Xác định Kết quả hoạt động đã thực hiện						
I	Thu nhập từ hoạt động Đầu tư đã thực hiện	10	1,998,620,639	1,819,017,970	(134,317,615)	672,576,437
1	Cổ tức được nhận	11	40,444,000	760,193,000	176,637,900	910,050,600
2	Lãi trái phiếu được nhận	12	5,123,068	14,873,424	-	-
3	Lãi tiền gửi	13	-	-	-	-
4	Thu nhập bán chứng khoán	14	1,953,053,571	1,043,951,546	(310,955,515)	(237,474,163)
5	Thu nhập khác	18	-	-	-	-
II	Chi phí	30	315,048,237	987,911,978	323,442,220	977,221,460
1	Phí Quản lý Quỹ	31	236,271,365	732,514,498	252,274,063	745,800,708
2	Phí Giám sát, lưu ký tài sản Quỹ	32	23,695,277	63,695,277	19,081,000	56,611,000
3	Chi phí hợp, đại hội	33	9,659,259	28,043,010	9,176,169	45,020,809
4	Chi phí Kiểm toán	34	18,582,330	53,948,700	17,609,381	51,124,011
5	Chi phí tư vấn, đánh giá	35	-	-	-	-
6	Các loại phí khác	38	26,840,006	109,710,493	25,301,607	78,664,932
III	Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ (I - II)	50	1,683,572,402	831,105,992	(457,759,835)	(304,645,023)
B. xác định kết quả chưa thực hiện						
I	Thu nhập	60	-	8,736,685,540	1,216,818,746	2,674,425,059
1	Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán	61	-	8,736,685,540	1,216,818,746	2,674,425,059
2	Thu nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại	62	-	-	-	-
II	Chi phí	70	1,310,894,595	16,760,235,376	-	-
1	Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư	71	1,310,894,595	16,760,235,376	-	-
2	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	72	-	-	-	-
III	Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện cuối kỳ (I - II)	80	(1,310,894,595)	(8,023,549,836)	1,216,818,746	2,674,425,059

Ngân hàng Giám sát
Phụ trách bộ phận giám sát



LÊ THỊ HOÀNG CHÂU

PHAN THỊ HUỲNH DAO
Giám đốc dịch vụ khách hàng
Phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

Người lập biểu

Ngô Thị Bạch Minh Luân

Công ty quản lý quỹ
Kế toán trưởng Quyền Tổng Giám Đốc



Trần Hồng Tiến

Chow Wing Kee

BÁO CÁO TÀI SẢN CỦA QUỸ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

1. Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam
2. Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
3. Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Manulife (MAFPF1)
4. Ngày lập báo cáo : 04/04/2011

Đơn vị tính : VND

STT	Tài sản	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Chênh lệch kỳ báo cáo so với kỳ trước
I. 1	Tiền và các khoản tương đương tiền	9,053,373,885	7,102,666,066	1,950,707,819
1.1	Tiền gửi không kì hạn	9,053,373,885	7,102,666,066	1,950,707,819
1.2	Tiền gửi có kì hạn	-	-	-
I. 2	Các khoản Đầu tư	132,886,240,892	133,633,333,316	(747,092,424)
2.1	Trái phiếu Chính phủ	-	-	-
2.2	Trái phiếu Công ty	707,552,092	734,587,516	(27,035,424)
2.3	Cổ phiếu	132,178,688,800	132,898,745,800	(720,057,000)
2.3.1	Cổ phiếu niêm yết	132,178,688,800	132,898,745,800	(720,057,000)
2.3.2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-
2.4	Quyền mua	-	-	-
I. 3	Cổ tức được nhận	-	590,338,000	(590,338,000)
I. 4	Trái tức được nhận	39,992,986	34,869,918	5,123,068
I. 5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	-	459,399,360	(459,399,360)
I. 6	Các khoản phải thu khác	-	-	-
I. 7	Lãi tiền gửi được nhận	-	-	-
I. 7	Các tài sản khác	-	-	-
I. 8	TỔNG TÀI SẢN	141,979,607,763	141,820,606,660	159,001,103
STT	Nợ			
II. 1	Tiền phải thanh toán mua Chứng khoán	-	-	-
II. 2	Phí quản lý phải trả	236,271,365	235,649,198	622,167
II. 3	Phí giám sát và lưu ký phải trả	20,000,000	20,000,000	-
II. 4	Các khoản phải trả khác	216,788,999	431,087,870	(214,298,871)
	Chi phí hợp phải trả	147,906,510	150,247,251	(2,340,741)
	Chi phí dịch vụ đầu tư phải trả	-	38,139,869	(38,139,869)
	Chi phí kiểm toán	68,882,489	242,700,750	(173,818,261)
	Chi phí giá OTC	-	-	-
II. 5	TỔNG NỢ	473,060,364	686,737,068	(213,676,704)
STT	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC			
III.1	Tài sản ròng của Quỹ (I. 8 - II. 5)	141,506,547,399	141,133,869,592	372,677,807
III.2	Tỷ lệ Tổng nợ/ Tài sản ròng của Quỹ	0.33%	0.49%	-0.15%
III.3	Tổng số Đơn vị Quỹ	21,409,530	21,409,530	-
III.4	Giá trị của một Đơn vị Quỹ	6,610	6,592	17



PHAN THỊ HUỲNH DAO
Giám đốc dịch vụ khách hàng
Phòng Nghiệp vụ Chứng khoán



Quyền Tổng Giám Đốc Công ty Quản lý Quỹ

Chow Wing Kee

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011